

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai Quyết toán ngân sách thị trấn năm 2021

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 3/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 24 tháng 7 năm 2022. Tại UBND thị trấn Sông Cầu, thành phần gồm:

- | | |
|---------------------------|--------------------------------|
| 1. Ông: Dương Tiến Vững | - Chủ tịch UBND |
| 2. Bà: Nguyễn Thị Thảo | - Công chức tài chính -Kế toán |
| 3. Bà: Nguyễn Thị Như Hoa | - Công chức Văn phòng |

NỘI DUNG

- Niêm yết công khai quyết toán ngân sách thị trấn năm 2021
- Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở UBND TT Sông cầu.
- Thông báo trên hệ thống loa truyền thanh thị trấn.
- Thời gian công khai: Từ ngày 24/7/2022- 25/8/2022

Biên bản lập xong vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 24 tháng 7 năm 2022.

Người lập

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Sloc
Nguyễn Thị Như Hoa



[Signature]
TM. UBND THỊ TRẤN SÔNG CẦU
CHỦ TỊCH
Dương Tiến Vững

**BIÊN BẢN KẾT THÚC CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH
THỊ TRẤN NĂM 2021**

Tại thị trấn Sông Cầu, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 3/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Hôm nay, vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 25 tháng 8 năm 2022. Tại UBND thị trấn Sông Cầu, thành phần gồm:

- | | |
|---------------------------|--------------------------------|
| 1. Ông: Dương Tiến Dũng | - Chủ tịch UBND |
| 2. Bà: Nguyễn Thị Thảo | - Công chức tài chính -Kế toán |
| 3. Bà: Nguyễn Thị Như Hoa | - Công chức Văn phòng |


NỘI DUNG

Trong thời gian niêm yết công khai quyết toán ngân sách thị trấn năm 2021 (Có biểu chi tiết kèm theo) ,trong vòng 30 ngày kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại UBND thị trấn Sông Cầu đã tiến hành niêm yết công khai tình hình quyết toán ngân sách thị trấn năm 2022 tại bảng niêm yết công khai của UBND thị trấn, trên loa truyền thanh của thị trấn. UBND thị trấn không nhận được bất cứ đơn thư, kiến nghị, hoặc ý kiến thắc mắc gì về việc thực hiện quyết toán ngân sách thị trấn năm 2022 của các tổ chức và công dân trên địa bàn trấn.

Vậy chúng tôi tiến hành lập biên bản kết thúc công khai quyết toán ngân sách thị trấn năm 2022 Biên bản kết thúc hồi 10 giờ 00 phút ngày 25 tháng 8 năm 2022.

Người lập

Nguyễn Thị Như Hoa

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

UBND THỊ TRẤN SÔNG CẦU
CHỦ TỊCH
Dương Tiến Dũng

Số: *79* /QĐ-UBND

Sông Cầu, ngày *25* tháng *8* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN SÔNG CẦU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 3/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 24 /NQ-HĐND ngày 28 /7/ 2022 của HĐND thị trấn về phê chuẩn quyết toán Thu- chi ngân sách xã năm 2021;

Xét đề nghị của Ban tài chính thị trấn;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 thị trấn Sông Cầu, nội dung cụ thể như sau:

(Theo các biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2: Giao cho Ban Tài chính thị trấn phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức và phối hợp hướng dẫn thực hiện;

Điều 3: Các ông (bà): Văn phòng UBND thị trấn, Ban Tài chính, các ngành đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch
- Đảng ủy-HĐND thị trấn;
- Như điều 3;
- Lưu: VP-UBND



CHỦ TỊCH
Dương Tiến Vững


CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	7.670.649.587	TỔNG SỐ CHI	7.371.581.174
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	55.124.500	I. Chi đầu tư phát triển	2.178.296.600
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	94.840.337	II. Chi thường xuyên	5.193.284.574
III. Thu bổ sung	6.576.031.710	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	913.259.900
- Bổ sung cân đối	3.372.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu	3.204.031.710		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	617.653.040	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	327.000.000		
VII. Thu hồi các khoản chi năm trước			
Kết dư ngân sách	299.068.413		

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

STT	Nội dung	Mã số	Dự toán năm		Quyết toán thực hiện		So sánh QT/DT	
			Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	A	B	1	2	3	4	6=3/1	7=4/2
	Tổng thu	100	314.000.000	3.552.000.000	348.297.926	7.670.649.587	111	216
I	Các khoản thu 100%	300	83.000.000	83.000.000	55.124.500	55.124.500		
1	Phí và lệ phí	370	31.000.000	31.000.000	30.124.500	30.124.500	97	97
2	Thu đóng góp của ND	400						
3	Thu kết d ngân sách	380						
4	Thu khác	390	52.000.000	52.000.000	25.000.000	25.000.000	48	48
II	Thu phân chia theo tỷ lệ %	470	231.000.000	81.000.000	293.173.426	94.840.337		117
1	Thuế SD đất phi NN		1.000.000	1.000.000	2.699.016	2.699.016		270
2	Thuế trực bạ nhà đất		40.000.000	20.000.000	24.251.195	24.251.195	61	121
3	Thu thuế TNCN	330	130.000.000		198.333.089		153	
4	Thuế nhà đất	350						
5	Thu thuế giá trị GT	320	60.000.000	60.000.000	67.890.126	67.890.126	113	113
6	Thu thuế môn bài							
7	Thuế tài nguyên	360		-		-		
III	Thu bổ sung từ NS cấp trên	500		3.826.000.000	6.914.521.550	6.576.031.710		
1	Thu B.sung cân đối NS	510		3.388.000.000		3.372.000.000		
2	Thu B.sung có mục tiêu	520				3.204.031.710		
IV	Thu chuyển nguồn NS	700		-		327.000.000		
	Thu kết dư NS năm trước sang					617.653.040		

UBND thị trấn Sông Cầu



Biểu số 118/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	7.651.412.810	2.772.223.900	4.810.188.910	7.371.581.174	2.178.296.600	5.193.284.574	96	79	108
	Trong đó									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	16.092.000		16.092.000	2.682.000		2.682.000	17		17
4	Chi văn hóa, thông tin	22.000.000		22.000.000	22.000.000		22.000.000	100		100
5	Chi phát thanh, truyền thanh									
6	Chi thể dục thể thao	50.000.000		50.000.000	6.090.000		6.090.000	12		12
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế	2.300.392.900	2.132.223.900	168.169.000	1.695.216.824	1.538.296.600	156.920.224	74		93
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.025.777.910	640.000.000	4.385.777.910	4.575.119.450	640.000.000	3.935.119.450	91		95
10	Chi cho công tác xã hội	168.150.000		168.150.000	159.213.000		159.213.000	94		94
11	Chi khác									
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau				913.259.900		913.259.900			

UBND thị trấn Sông Cầu

Biểu số 119/CK TC-NSNN



QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2021 (Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12...	Giá trị đã thanh toán năm...			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ								
I. Công trình chuyển tiếp		7.827.430.715			2.173.000.000	2.178.296.600		
Hệ thống điện chiếu sáng đường nội thị trấn Sông Cầu	2020	6.921.658.902			2.321.332.600	148.332.600		
Cải tạo sửa chữa nhà hội trường UBND thị trấn Sông Cầu	2020	612.413.502			340.000.000	340.000.000		
Cải tạo sửa chữa nhà làm việc 2 tầng, sân công, hàng rào UBND thị trấn Sông cầu	2020	1.014.907.464			300.000.000	300.000.000		
Đường bê tông tổ 8 (2020)	2020	29.494.492			7.260.000	7.260.000		
Đường bê tông tổ 2 (2020)	2020	134.223.114			33.528.000	33.528.000		
Đường bê tông tổ 1 (2020)	2020	58.722.612			14.652.000	14.652.000		
Đường bê tông tổ 6 (2020)	2020	151.001.003			37.620.000	37.620.000		
Đường bê tông tổ 9 (2020)	2020	50.561.986			12.540.000	12.540.000		
Đường bê tông tổ 4 (2020)	2020	58.722.612			14.652.000	14.652.000		
Đường bê tông xóm 7 (2017)	2017	364.689.629			93.093.000	93.093.000		
Đường bê tông xóm 8 (2017)	2017	684.904.912			174.889.000	174.889.000		
Đường bê tông xóm Tân Tiến (2017)	2017	133.423.035			34.034.000	34.034.000		
Đường bê tông xóm Tân Lập (2017)	2017	453.638.318			115.830.000	115.830.000		



Đường bê tông xóm Liên Cơ (2017)	2017	88.948.690			22.594.000	22.594.000
Đường bê tông tổ 4 (2017)	2017	240.161.463			61.204.000	61.204.000
Đường bê tông tổ 5 (2017)	2017	266.846.070			68.068.000	68.068.000
					689.964.000	
2. Công trình khởi công mới		905.771.813			700.000.000	700.000.000
<i>Trong đó: hoàn thành trong năm</i>						
CT khẩn cấp Kè sạt lở đường bê tông từ tổ dân phố 2 đi tổ dân phố 5, thị trấn Sóng Cầu	2021	905.771.813,00			700.000.000	700.000.000

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)



Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			CHÉNH LỆCH (+) (-)	Dư đầu năm	THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+) (-)			THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	49.787.000	49.787.000	-	31.449.300	128.139.487	119.707.975	43.656.812	
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	49.787.000	49.787.000	-	31.449.300	49.787.000	47.570.000	33.666.300	
Quỹ đền ơn ơn đáp nghĩa	5.388.000	5.388.000		2.143.300	5.388.000	4.900.000	2.631.300	
Quỹ vì người nghèo	8.900.000	8.900.000		20.826.000	8.900.000	9.600.000	20.126.000	
Quỹ bảo trợ trẻ em	5.358.000	5.358.000		1.978.000	5.358.000	3.900.000	3.436.000	
Quỹ người cao tuổi	9.330.000	9.330.000		1.900.000	9.330.000	9.000.000	2.230.000	
Quỹ khuyến học	2.691.000	2.691.000		382.000	2.691.000	3.000.000	73.000	
Quỹ nhân đạo	9.150.000	9.150.000		4.220.000	9.150.000	8.200.000	5.170.000	
Quỹ đa cam	8.970.000	8.970.000	-		8.970.000	8.970.000	-	
Các hoạt động tài chính khác					78.352.487	72.137.975	9.990.512	
Thu hộ chi hộ khác					78.352.487	68.361.975	9.990.512	
Quỹ phòng chống covid 19				3.776.000		3.776.000	-	